

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG NĂNG
(Kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Bảng số 1: Giá đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên
ĐVT: Đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Krông Năng	32.000	28.000	25.000
2	Xã Phú Xuân	30.000	28.000	25.000
3	Xã Ea Tân	32.000	27.000	
4	Xã Tam Giang	29.000	23.000	
5	Xã Cư KLông	28.000	23.000	
6	Xã Ea Tóh	28.000		
7	Xã Ea Hồ	30.000	25.000	
8	Xã Phú Lộc	28.000	24.000	
9	Xã Ea Púk	25.000	22.000	
10	Xã Dliê Ya	30.000	23.000	
11	Xã Ea Tam	30.000	25.000	22.000
12	Xã Ea Dăh	26.000	20.000	

* Đối với đất trồng lúa nước 01 vụ, giá đất được tính bằng 70% đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên theo từng vị trí của từng xã, thị trấn.

1. Thị Trấn Krông Năng

- Vị trí 1: Tổ dân phố 4, buôn Wiao A
- Vị trí 2: Tổ dân phố 8, thôn Bình Minh
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2. Xã Phú Xuân

- Vị trí 1: Thôn Xuân Vĩnh, thôn Xuân Tây, thôn Xuân Thành, thôn Xuân Thủy, thôn Xuân Trường
- Vị trí 2: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 5, thôn 6, thôn 9, thôn 10, thôn 12
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3. Xã Ea Tân:

- Vị trí 1: Thôn Ea Blông, Ea Chiêu, Quang Trung
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

4. Xã Tam Giang

- Vị trí 1: Thôn Giang Thịnh, thôn Giang Lộc, thôn Giang Hưng, thôn Giang Mỹ
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

5. Xã Cư KLông

- Vị trí 1: Thôn Tam Bình, thôn Tam Khánh, thôn Tam Hợp, thôn Tam Thuận
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

6. Xã Ea Tóh: Tính 01 vị trí trên địa bàn toàn xã

7. Xã Ea Hồ

- Vị trí 1: Cánh đồng Trấp Bur, cánh đồng Trấp Ksor (thuộc buôn Giêr, thôn Quảng An, thôn Trấp Ksor)

- Vị trí 2: Cánh đồng Ea Much (thuộc buôn Sứ, buôn Mrun) và các khu vực còn lại

8. Xã Phú Lộc

- Vị trí 1: Thôn Lộc Tiến, thôn Lộc An, thôn Lộc Thịnh, thôn Lộc Thiện

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

9. Xã Ea Púk

- Vị trí 1: Thôn Giang Đại, thôn Giang Tiến, thôn Giang Thủy

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

10. Xã Dliê Ya

- Vị trí 1: Buôn Dua, buôn Juk, buôn Jun, buôn Ksor

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

11. Xã Ea Tam

- Vị trí 1: Thôn Tam Lập, thôn Tam Phong, thôn Tam Thịnh, thôn Tam Liên, thôn Tam An

- Vị trí 2: Thôn Tam Hiệp, buôn Trấp, Thôn Tam Lực, thôn Tam Thành, thôn Tam Trung, thôn Tam Đồng, thôn Tam Hòa

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

12. Xã Ea Dăh

- Vị trí 1: Thôn Xuân Hà 2, thôn Xuân Hà 3, thôn Xuân Lạng 1, thôn Xuân Lạng 2, thôn Xuân Thanh, thôn Giang Hà, thôn Giang Xuân

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

Bảng số 2: Giá đất trồng cây hàng năm khácĐVT: Đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Krông Năng	45.000	35.000	30.000
2	Xã Phú Xuân	38.000	33.000	27.000
3	Xã Ea Tân	35.000	30.000	25.000
4	Xã Tam Giang	35.000	30.000	22.000
5	Xã Cư KLông	35.000	30.000	24.000
6	Xã Ea Tóh	38.000	33.000	26.000
7	Xã Ea Hồ	36.000	32.000	24.000
8	Xã Phú Lộc	38.000	32.000	27.000
9	Xã Ea Púk	32.000	25.000	
10	Xã Dliê Ya	37.000	32.000	23.000
11	Xã Ea Tam	35.000	29.000	22.000
12	Xã Ea Dăh	34.000	27.000	20.000

1. Thị trấn Krông Năng

- Vị trí 1: Tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 3, tổ dân phố 4, tổ dân phố 5, tổ dân phố 9 và buôn Wiao A
- Vị trí 2: Tổ dân phố 2, tổ dân phố 8, buôn Wiao B, buôn Ur
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2. Xã Phú Xuân

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 9, thôn 10, thôn 11, thôn 12
- Vị trí 2: Thôn Xuân Đoàn, Xuân Hòa, Xuân Thành, Xuân Phú, Xuân Mỹ, Xuân Thủy, Xuân Long, Xuân Tây, Xuân Thuận, Xuân Lộc, Xuân Ninh, Xuân Vĩnh, Xuân Trường, Xuân An, Xuân Đạt, thôn 1, thôn 7, thôn 8, thôn 13
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3. Xã Ea Tân

- Vị trí 1: Thôn Hải Hà, thôn Đoàn Kết, thôn Quyết Tâm, thôn Thống Nhất
- Vị trí 2: Thôn Ea Tuh, thôn Thanh Cao, thôn Ea Chăm, thôn Ea Đình, thôn Ea Heo, thôn Yên Khánh, thôn Quang Trung, thôn Ea Chiêu, thôn Ea Chiêu 1
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

4. Xã Tam Giang

- Vị trí 1: Thôn Giang Mỹ, thôn Giang Hưng, thôn Giang Thịnh, thôn Giang Lộc
- Vị trí 2: Thôn Giang Hòa, thôn Giang Phong, thôn Giang Bình, thôn Giang Phú, thôn Giang Phước, thôn Giang Nghĩa, thôn Giang Trung
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

5. Xã Cư KLông

- Vị trí 1: Thôn Tam Bình, thôn Tam Khánh, thôn Tam Hà, thôn Tam Thuận

- Vị trí 2: Thôn Tam Hợp, thôn Ea Bìr

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

6. Xã Ea Tóh

- Vị trí 1: Thôn Tân Mỹ

- Vị trí 2: Thôn Tân Hà, Tân Hợp, Tân Quảng, Tân Thành, Tân Phú, Tân Lộc, Tân Nam, Tân Trung A, Tân Hiệp, Tân Trung B, Tân Kỳ, Tân Vinh

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

7. Xã Ea Hồ

- Vị trí 1: Thôn Trung Hồ, thôn Hồ Tiếng, buôn Ea Hồ A, buôn Mrun, buôn Trang, buôn Sủ, buôn Dũn, buôn Năng

- Vị trí 2: Thôn Hòa Bình, thôn Quảng An, thôn Quảng Hà, thôn Trường Hà, buôn Trấp Ksor

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

8. Xã Phú Lộc

- Vị trí 1: Thôn Lộc Yên

- Vị trí 2: Thôn Lộc Tân, thôn Lộc Tài, thôn Lộc Thiện, thôn Lộc Thuận, thôn Lộc Yên, thôn Lộc Hải, thôn Lộc Xuân

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

9. Xã Ea Púk

- Vị trí 1: Thôn Giang Tân, thôn Giang Minh, thôn Giang Sơn

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

10. Xã Dliê Ya

- Vị trí 1: Thôn Trung Hòa, thôn Ea Khanh, thôn Quyết Tiến, buôn Ea Dua, buôn Juk, buôn KSor, buôn Jun, buôn Yóh, buôn Kmang

- Vị trí 2: Thôn Ea Krái, Ea Ruế, Ea Đốc, Bình An, Phú Lộc, Tân Tiến, Tân Hiệp, Đồng Tâm, Ea Sim, buôn Dliê Ya B

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

11. Xã Ea Tam

- Vị trí 1: Thôn Tam Lập, thôn Tam Phong, thôn Tam Thịnh, thôn Tam Liên, thôn Tam An

- Vị trí 2: Thôn Tam Hiệp, buôn Trấp, Thôn Tam Lực, thôn Tam Thành, thôn Tam Trung, thôn Tam Đồng, thôn Tam Hòa

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

12. Xã Ea Dăh

- Vị trí 1: Thôn Giang Hà, thôn Xuân Hà 1, thôn Xuân Hà 2, thôn Xuân Hà 3, thôn Xuân Lạng 1, thôn Xuân Lạng 2

- Vị trí 2: Thôn Xuân Thái, thôn Xuân Thanh, thôn Giang Châu

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

Bảng số 3: Giá đất trồng cây lâu nămĐVT: Đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Krông Năng	70.000	60.000	50.000
2	Xã Phú Xuân	45.000	38.000	32.000
3	Xã Ea Tân	43.000	37.000	27.000
4	Xã Tam Giang	45.000	40.000	31.000
5	Xã Cư KLông	44.000	36.000	25.000
6	Xã Ea Tóh	55.000	45.000	35.000
7	Xã Ea Hồ	45.000	40.000	30.000
8	Xã Phú Lộc	50.000	42.000	32.000
9	Xã Ea Púk	40.000	30.000	
10	Xã Dliê Ya	50.000	42.000	33.000
11	Xã Ea Tam	47.000	40.000	30.000
12	Xã Ea Dăh	40.000	33.000	25.000

1. Thị trấn Krông Năng

- Vị trí 1: Tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 3, tổ dân phố 4, tổ dân phố 5, tổ dân phố 9, buôn Wiao A

- Vị trí 2: Tổ dân phố 7, tổ dân phố 8, buôn Wiao B, buôn Ur

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2. Xã Phú Xuân

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 9, thôn 10, thôn 11, thôn 12 và thôn Xuân Ninh

Vị trí 2: Thôn 1, thôn 7, thôn 8, thôn 13, thôn Xuân Đoàn, thôn Xuân Hòa, thôn Xuân Thành, thôn Xuân Phú, thôn Xuân Mỹ, thôn Xuân Thủy, thôn Xuân Long, thôn Xuân Tây, thôn Xuân Thuận, thôn Xuân Lộc, thôn Xuân Vĩnh, thôn Xuân Trường, thôn Xuân An, thôn Xuân Đạt

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3. Xã Ea Tân

- Vị trí 1: Thôn Hải Hà, thôn Đoàn Kết, thôn Quyết Tâm, thôn Thống Nhất

- Vị trí 2: Thôn Ea Tuh, thôn Thanh Cao, thôn Ea Chăm, thôn Ea Đình, thôn Ea Heo, thôn Yên Khánh, thôn Quang Trung, thôn Ea Chiêu, thôn Ea Chiêu 1

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

4. Xã Tam Giang

- Vị trí 1: Thôn Giang Mỹ, thôn Giang Hưng, thôn Giang Thịnh, thôn Giang Lộc

- Vị trí 2: Thôn Giang Hòa, thôn Giang Phong, thôn Giang Bình, thôn Giang Phú, thôn Giang Phước, thôn Giang Nghĩa, thôn Giang Trung

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

5. Xã Cư KLông

- Vị trí 1: Thôn Tam Bình, thôn Tam Khánh, thôn Tam Hà, thôn Tam Thuận
- Vị trí 2: Thôn Tam Hợp, thôn Ea Bìr
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

6. Xã Ea Tóh

- Vị trí 1: Thôn Tân Hà, thôn Tân Quảng, thôn Tân Thành, thôn Tân Phú, thôn Tân Lộc, thôn Tân Nam, thôn Tân Trung A
- Vị trí 2: Thôn Tân Mỹ, thôn Tân Hiệp, thôn Tân Trung B, thôn Tân Kỳ, thôn Tân Vinh
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

7. Xã Ea Hồ

- Vị trí 1: Thôn Trung Hồ, thôn Hồ Tiếng, buôn Ea Hồ A, buôn Mrun, buôn Trang, buôn Sũ, buôn Dũn, buôn Năng
- Vị trí 2: Thôn Hòa Bình, thôn Quảng An, thôn Quảng Hà, thôn Trường Hà, buôn Trấp Ksor
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

8. Xã Phú Lộc

- Vị trí 1: Thôn Lộc Tân, Lộc Tài, Lộc Thiện
- Vị trí 2: Thôn Lộc Thuận, Lộc Yên, Lộc Hải, Lộc Xuân
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

9. Xã Ea Púk

- Vị trí 1: Thôn Giang Tân, thôn Giang Minh, thôn Giang Sơn, thôn Giang Điền
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

10. Xã Dliê Ya

- Vị trí 1: Thôn Trung Hòa, thôn Ea Khanh, thôn Quyết Tiến, buôn Ea Dua, buôn Juk, buôn KSor, buôn Jun, buôn Yóh, buôn Kmang
- Vị trí 2: Thôn Ea Krái, Ea Ruế, Ea Đốc, Bình An, Tân Tiến, Tân Hiệp, Đồng Tâm, Đồng Tiến, Ea Ngai, Ea Sim, buôn Dliê Ya B
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

11. Xã Ea Tam

- Vị trí 1: Thôn Tam Lập, thôn Tam Phong, thôn Tam Thịnh, thôn Tam Liên, thôn Tam An
- Vị trí 2: Thôn Tam Hiệp, buôn Trấp, Thôn Tam Lực, thôn Tam Thành, thôn Tam Trung, thôn Tam Đồng, thôn Tam Hòa
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

12. Xã Ea Dăh

- Vị trí 1: Thôn Giang Hà, Xuân Hà 1, Xuân Hà 2, Xuân Hà 3, Xuân Lạng 1, Xuân Lạng 2
- Vị trí 2: Thôn Giang Châu, thôn Xuân Thái, thôn Xuân Thanh.

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

Bảng số 4: Giá đất rừng sản xuất

ĐVT: Đồng/m²

Stt	Đơn vị hành chính	Mức giá
1	Thị trấn Krông Năng	15.000
2	Xã Phú Xuân	15.000
3	Xã Ea Tân	15.000
4	Xã Tam Giang	15.000
5	Xã Cư KLông	15.000
6	Xã Ea Tóh	15.000
7	Xã Ea Hồ	15.000
8	Xã Phú Lộc	15.000
9	Xã Ea Púk	15.000
10	Xã Dliê Ya	15.000
11	Xã Ea Tam	15.000
12	Xã Ea Dăh	15.000

Bảng số 5: Giá đất nuôi trồng thủy sản

ĐVT: Đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Krông Năng	60.000	35.000	
2	Xã Phú Xuân	40.000	33.000	23.000
3	Xã Ea Tân	40.000	34.000	25.000
4	Xã Tam Giang	33.000	22.000	
5	Xã Cư KLông	30.000	22.000	
6	Xã Ea Tóh	55.000	40.000	28.000
7	Xã Ea Hồ	35.000	23.000	
8	Xã Phú Lộc	35.000	25.000	
9	Xã Ea Púk	33.000	20.000	
10	Xã Dliê Ya	40.000	35.000	22.000
11	Xã Ea Tam	38.000	22.000	
12	Xã Ea Dăh	32.000	18.000	

1. Thị trấn Krông Năng

- Vị trí 1: Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 9 và buôn Wiao A
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

2. Xã Phú Xuân

- Vị trí 1: Thôn 2, thôn Xuân Ninh
- Vị trí 2: Thôn 10, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 9, thôn 11, thôn 12
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3. Xã Ea Tân

- Vị trí 1: Thôn Ea Blông, Ea Chiêu, Quang Trung
- Vị trí 2: Thôn Hải Hà, thôn Đoàn Kết, thôn Quyết Tâm, thôn Thống Nhất
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

4. Xã Tam Giang

- Vị trí 1: Thôn Giang Mỹ, thôn Giang Hưng, thôn Giang Thịnh, thôn Giang Lộc.
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

5. Xã Cư KLông

- Vị trí 1: Thôn Tam Bình, thôn Tam Khánh, thôn Tam Hà, thôn Tam Thuận
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

6. Xã Ea Tóh

- Vị trí 1: Thôn Tân Mỹ, Tân Phương, Tân Đông
- Vị trí 2: Thôn Tân Hà, Tân Hợp, Tân Quảng, Tân Thành, Tân Phú, Tân Lộc, Tân Nam, Tân Trung A
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

7. Xã Ea Hồ

- Vị trí 1: Thôn Trung Hồ, thôn Hồ Tiếng, buôn Ea Hồ A, buôn Mrun, buôn Trang, buôn Sú, buôn Dun, buôn Năng
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

8. Xã Phú Lộc

- Vị trí 1: Thôn Trung Hồ, thôn Hồ Tiếng, buôn Ea Hồ A, buôn Mrun, buôn Trang, buôn Sú, buôn Dun, buôn Năng
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

9. Xã Ea Púk

- Vị trí 1: Thôn Giang Tân, thôn Giang Minh, thôn Giang Sơn
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

10. Xã Diê Ya

- Vị trí 1: Thôn Tân Tiến
- Vị trí 2: Thôn Trung Hòa, thôn Ea Kanh, thôn Quyết Tiến, buôn Ea Dưa, buôn Juk, buôn KSơ, buôn Jun, buôn Yóh, buôn Kmang
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

11. Xã Ea Tam

- Vị trí 1: Thôn Tam Lập, thôn Tam Phong, thôn Tam Thịnh, thôn Tam Liên, thôn Tam An
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

12. Xã Ea Dăh

- Vị trí 1: Thôn Giang Hà, thôn Xuân Hà 1, thôn Xuân Hà 2, thôn Xuân Hà 3, thôn Xuân Lạng 1, thôn Xuân Lạng 2
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

Bảng số 6: Giá đất ở tại nông thônĐVT: Đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
I	Xã Phú Xuân			
1	Đường Tỉnh lộ 3	Cầu Phú Xuân - Thị Trấn Krông Năng	Ngã ba thôn Xuân Thuận (Thửa 159, TBĐ số 73)	850.000
		Ngã ba thôn Xuân Thuận (Thửa 159, TBĐ 73)	Cổng chào thôn Xuân Đoàn (Thửa 36, TBĐ số 80)	950.000
		Cổng chào thôn Xuân Đoàn (Thửa 36, TBĐ số 80)	Cổng chào thôn Xuân Thành (Giáp Rừng già - Thửa 56, TBĐ số 83)	1.500.000
		Cổng chào thôn Xuân Thành (Giáp Rừng già - Thửa 56, TBĐ số 83)	Cây xăng Diệu Hóa (Thửa 145, TBĐ số 91)	1.000.000
		Cây xăng Diệu Hóa (Thửa 145, TBĐ số 91)	Cổng chào Thôn 7 (Thửa 10, TBĐ số 104)	850.000
		Cầu trần C6 (Thửa 19, TBĐ số 120)	Ngã tư Thôn 10 (Giáp trường THPT Lý Tự Trọng, thửa 168, TBĐ số 38)	1.050.000
		Ngã tư Thôn 10 (Giáp trường THPT Lý Tự Trọng, thửa 168, TBĐ số 38)	Hết Ranh giới hồ Ea Kmiên 1 (Giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Kế, thửa 280, TBĐ số 45)	1.200.000
		Hết Ranh giới hồ Ea Kmiên 1 (Giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Kế, thửa 280, TBĐ số 45)	Ngã ba cây xăng Hoa Lánh (Thửa 671, TBĐ số 45)	1.400.000
		Ngã ba cây xăng Hoa Lánh (Thửa 671, TBĐ số 45)	Cổng chào thôn thôn 9 (Thửa 49, TBĐ số 53)	950.000
		Cổng chào thôn thôn 9 (Thửa 49, TBĐ 53)	Ngã ba đường đi hồ đập C14 (Thửa 265, TBĐ số 54)	850.000
		Cổng chào thôn 1 (Thửa 15, TBĐ số 55)	Hết ranh giới thôn 8 (Giáp huyện Ea Kar)	700.000
		Phần còn lại hai bên trục đường tỉnh lộ 3		500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
2	Đường liên thôn Xuân Thủy - Xuân Trường - Xuân An	Ngã ba đường liên thôn Xuân Thủy (Giáp nhà ông Huỳnh Viết Đồng, thửa 84, TBĐ số 92)	Ngã ba vườn nhà ông Lê Văn Sơn (Thửa 18, TBĐ số 94)	850.000
3	Khu vực công ty 49	Trụ sở Công ty cà phê 49 (Thửa 169, TBĐ 38)	Trường tiểu học Võ Thị Sáu (Thửa 414, TBĐ 39)	990.000
4	Đường liên xã	Ngã ba thôn Xuân Thuận (Thửa 159, TBĐ số 73)	Ngã ba đường đi nghĩa trang thôn Xuân Lộc (Thửa 87, TBĐ số 72)	850.000
		Ngã ba đường đi nghĩa trang thôn Xuân Lộc (Thửa 87, TBĐ số 72)	Hội trường thôn Xuân Vĩnh (Thửa 11, TBĐ số 67)	750.000
		Hội trường thôn Xuân Vĩnh (Thửa 11, TBĐ số 67)	Hết ranh giới thôn Xuân Vĩnh	650.000
		Cây xăng Diệu Hóa (Thửa 145, TBĐ số 91)	Ngã ba nhà đường liên thôn Xuân Thủy (Giáp nhà ông Huỳnh Viết Đồng - Thửa 84, TBĐ số 92)	850.000
		Ngã ba nhà đường liên thôn Xuân Thủy (Giáp nhà ông Huỳnh Viết Đồng - Thửa 84, TBĐ số 92)	Suối (Giáp vườn ông Nguyễn Ngọc Hiền - Thửa 1764, TBĐ số 16)	750.000
		Suối (Giáp vườn ông Nguyễn Ngọc Hiền, thửa 1764, TBĐ 16)	Sông Krông Năng (Giáp xã Ea Dăh)	650.000
		Ngã ba cây xăng ông Lánh trực đường 2C (Thửa 671, TBĐ số 45)	Cổng chào thôn 11 (Thửa 92, TBĐ số 44)	850.000
		Cổng chào thôn 11 (Thửa 92, TBĐ số 44)	Ngã ba nhà ông Đỗ Đăng Cần - Thửa 15, TBĐ số 43 (Thôn 12)	750.000
		Ngã ba nhà ông Đỗ Đăng Cần - Thửa 15, TBĐ số 43 (Thôn 12)	Xã Ea Drông	650.000
5	Khu vực còn lại			160.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
II	Xã Ea Tân			
1	Đường trục chính	Đất nhà ông Vũ Chí Quyến (Thửa 90, TBĐ số 78), đối diện ngã ba thôn Đoàn Kết	Hết ranh giới thửa đất ông Đặng Văn Ba (Thửa 31, TBĐ số 83), đối diện ngã ba thôn Hải Hà - Ea Blông	4.800.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Đặng Văn Ba (Thửa 31, TBĐ số 83), đối diện ngã ba thôn Hải Hà - Ea Blông	Hết ranh giới thửa đất ông Bùi Xuân Trường (Thửa 110, TBĐ số 83)	2.800.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Bùi Xuân Trường (Thửa 110, TBĐ số 83)	Hết ranh giới thửa đất ông Lê Đình Hải (Thửa 2, TBĐ số 87), đối diện ngã ba Thống Nhất	1.300.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Lê Đình Hải (Thửa 2, TBĐ số 87), đối diện ngã ba Thống Nhất	Hội trường thôn Thống Nhất	560.000
		Ngã ba Trung tâm xã	Hết ranh giới thửa đất ông Ngô Duy Huân (Thửa 167, TBĐ số 78)	2.500.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Ngô Duy Huân (Thửa 167, TBĐ số 78)	Hết ranh giới thửa đất ông Lê Đình Ngọ (Thửa 41, TBĐ số 77)	1.900.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Lê Đình Ngọ (Thửa 41, TBĐ số 77)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Phan Văn Hiên (Thửa 24, TBĐ số 77)	900.000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Phan Văn Hiên (Thửa 24, TBĐ số 77)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Phạm Văn Trụ (Thửa 9, TBĐ số 81)	420.000
		Đất nhà ông Nguyễn Văn Đức (Thửa 89, TBĐ số 78) đối diện ngã ba thôn Đoàn Kết	Hết ranh giới đất vườn nhà bà Lê Thị Xí (Thửa 8, TBĐ số 79), đối diện ngã ba thôn Ea Blông, Bắc trung	2.800.000
		Ngã ba thôn Ea Blông, Bắc trung	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Trần Văn Đảm (Thửa 61, TBĐ số 33)	1.300.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới đất vườn nhà bà Lê Thị Xí (Thửa 8, TĐĐ số 79), đối diện ngã ba thôn Ea Blông, Bắc trung	Ngã ba Yên khánh, Ea Heo	560.000
		Ngã ba Quán Hương Châu	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Hoàng Thế Thảo (Thửa 03, TĐĐ số 84)	950.000
		Cây xăng Minh Dự	Ranh đất nhà ông Đặng Văn Thanh (Thửa 207, TĐĐ số 78)	900.000
		Cây xăng Thắng Thành	Ngã ba đối diện nhà bà Đoàn Thị Dung (Thửa 70, TĐĐ số 78)	780.000
		Ranh đất nhà ông Đặng Văn Thanh (Thửa 207, TĐĐ số 78)	Ngã ba đường đi 67	650.000
		Ngã ba cổng chào thôn Đoàn Kết	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Trần Văn Khánh (Thửa 04, TĐĐ số 78)	200.000
		Buru điện xã	Ngã ba đối diện nhà Phi Bông (Thửa 350, TĐĐ số 78)	900.000
2	Phía Đông chợ	Đất nhà ông Lê Thanh Tình (Thửa 129, TĐĐ số 83)	Hết đất ông Trần Đức Cương (Thửa 70, TĐĐ số 79)	650.000
3	Phía Nam chợ	Đất nhà ông Lê Thanh Tình (Thửa 19, TĐĐ số 83)	Hết đất ông Đỗ Hải Tiến (Thửa 35, TĐĐ số 84), giáp cổng phụ chợ	1.300.000
4	Các tuyến đường nội bộ trong chợ			1.300.000
5	Đường trục thôn	Ngã ba Quyết Tâm	Hội trường thôn Quyết Tâm	630.000
6	Phần còn lại trên đường liên xã đi Dliêya			200.000
7	Khu dân cư thôn Đoàn Kết, thôn Hải Hà			130.000
8	Khu vực còn lại			110.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
III	Xã Tam Giang			
1	Đường trục chính	Km 0 (Ngã tư nhà ông Vũ) - Thửa 75, TBĐ số 53	Nhà ông Phùng Dự (Thửa 119, TBĐ số 53)	1.600.000
		Nhà ông Phùng Dự (Thửa 119, TBĐ số 53)	Nguyễn Chí Thanh (Thửa 34, TBĐ số 52)	1.750.000
		Trụ sở nông trường cao su (TBĐ số 51)	Ngã ba Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh (Thửa 34, TBĐ số 52)	650.000
		Trụ sở nông trường cao su (TBĐ số 51)	Cầu Xi măng giáp thị trấn Krông Năng (Thửa 95, TBĐ số 25)	450.000
		Km 0 (Ngã tư nhà ông Vũ) - Thửa 75, TBĐ số 53	Hết ranh giới đất nhà Hoài Sương (Thửa 19, TBĐ số 53)	1.100.000
		Hết ranh giới đất nhà Hoài Sương (Thửa 19, TBĐ số 53)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thúc (Đi xã Ea Púk) - Thửa 88, TBĐ số 54	850.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thúc (Đi xã Ea Púk) - Thửa 88, TBĐ số 54	Suối Ea Đá (Giáp xã Ea Púk) -, TBĐ số 50	500.000
		Km 0 (Ngã tư nhà ông Vũ) - Thửa 75, TBĐ số 53)	Hết ranh giới đất nhà Vinh (Đường đi Phú Yên) - Thửa 122, TBĐ số bản đồ 56	1.600.000
		Km 0 (Ngã tư nhà ông Vũ) - Thửa 75, TBĐ số 53	Ngã tư nhà ông Muôn (Thửa 157, TBĐ số 54)	550.000
		Ngã tư nhà ông Muôn (Thửa 157, TBĐ số 54)	Thôn Giang Trung (Nhà ông Khảm) - Thửa 05, TBĐ số 60	500.000
		Ngã ba nhà ông Thứ (Thửa 225, TBĐ số 53)	Ngã ba nhà ông Chạy thôn Giang Nghĩa (Thửa 17, TBĐ số 60)	550.000
		Nhà ông Phùng (Thửa 119, TBĐ số 53)	Quốc Lộ 29 (Thửa 53, TBĐ số 56)	650.000
		Trụ sở nông trường Cao su (TBĐ số 51)	Đường vào Trường THCS Trần Hưng Đạo (Thửa 52, TBĐ số 28)	750.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Đường vào Trường THCS Trần Hưng Đạo (Thửa 52, TBĐ số 28)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Đặng (Thửa 16, TBĐ số 34)	850.000
		Hết ranh giới đất	Ngã ba thôn Giang Hà	550.000
		vườn nhà ông Đặng (Thửa 16, TBĐ số 34)	(Nhà ông Ngô Thời Thương) - Thửa 24, TBĐ số 40	
		Ngã ba Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh (Thửa 34, TBĐ số 52)	Ngã ba nhà ông Liêu (Thửa 67, TBĐ số 20)	550.000
		Ngã ba nhà ông Liêu (Thửa 67, TBĐ số 20)	Trường tiểu học Nguyễn Tri Phương (Thửa 75, TBĐ số 15)	500.000
		Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương (Thửa 75, TBĐ số 15)	Ngã ba nhà ông Duẩn (Thôn Giang Phú) - Thửa 32, TBĐ số 11	400.000
2	Khu dân thôn Giang Thọ			150.000
3	Khu vực còn lại			130.000
IV	Xã Cư Klông			
1	Đường trục chính	Ngã ba Trung tâm xã	Hết ranh giới đất nhà bà Nguyễn Thị Nguyệt (Thửa 17, TBĐ số 62)	1.100.000
		Ngã ba Trung tâm xã	Hết ranh giới đất nhà ông Đinh Văn Tín (Thửa 15, TBĐ số 58)	1.100.000
		Ngã ba Trung tâm xã	Hết ranh giới đất nhà ông Trương Văn Tình (Thửa 11, TBĐ số 61), giáp ngã ba	1.200.000
2	Đường thôn Tam Bình	Hết ranh giới đất nhà ông Trương Văn Tình (Thửa 11, TBĐ số 61), giáp ngã ba	Hết ranh giới đất nhà ông Lưu Văn Minh (Thửa 50, TBĐ số 61)	850.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Lưu Văn Minh (Thửa 50, TBĐ số 61)	Ngã tư Tam Thuận - Tam Bình	550.000
		Ngã tư Tam Thuận - Tam Bình	Giáp ranh xã Ea Tam	250.000
3	Đường đi	Ngã tư Tam Thuận -	Hết ranh giới đất vườn	150.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
	Tam Thuận	Tam Bình	nhà ông Nguyễn Văn Khách xóm 4	
		Ngã tư Tam Thuận - Tam Bình	Ngã ba thôn Tam Khánh	200.000
		Ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Văn Rụi (Thửa 38, TBĐ số 33)	Cầu 135 thôn Tam Thuận	150.000
4	Đường đi Tam Khánh	Hết ranh giới đất nhà ông Đinh Văn Tín (Thửa 15, TBĐ số 58)	Ngã ba thôn Tam Khánh (Hết ranh giới đất nhà ông Trần Đức Khôi - Thửa 125, TBĐ số 34)	700.000
		Ngã ba thôn Tam Khánh (Hết ranh giới đất nhà ông Trần Đức Khôi - Thửa 125, TBĐ số 34)	Hết ranh giới đất nhà ông Nông Văn Hợp (Thửa 93, TBĐ số 35)	300.000
5	Đường thôn Tam Hà	Hết ranh giới đất nhà bà Nguyễn Thị Nguyệt (Thửa 17, TBĐ số 62)	Hết ranh giới đất nhà ông Nông Văn Lập (Thửa 5, TBĐ số 353)	700.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nông Văn Hợp (Thửa 5, TBĐ số 353)	Ngã ba rẽ vào khu rừng phòng hộ	350.000
		Ngã ba rẽ vào khu rừng phòng hộ	Ngã tư rẽ đi thôn Tam Hợp	200.000
6	Đường thôn Tam Hợp	Ngã tư rẽ đi thôn Tam Hợp	Đường nhựa đi thôn Cư Klông	130.000
7	Đường thôn Cư Klông	Đường nhựa đi thôn Cư Klông	Đường nhựa đi thôn Ea Bir	130.000
8	Đường thôn Ea Bir	Đường nhựa đi thôn Ea Bir	Giáp xã Dliêya	130.000
9	Khu vực còn lại			100.000
V	Xã Ea Tóh			
1	Đường trục chính liên xã đi Xã Ea Hồ	Ngã ba Trung tâm xã	Cổng chào thôn Tân Hà	5.500.000
		Cổng chào thôn Tân Hà	Ngã ba vào trường tiểu học Nguyễn Du	2.070.000
		Ngã ba vào trường TH Nguyễn Du	Ngã ba đường vào thôn Tân Hiệp	630.000
		Ngã ba đường vào thôn Tân Hiệp	Giáp ranh giới xã Ea Hồ	250.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
2		Ngã ba Trung tâm xã	Ngã tư đi Ea Tam, buôn Kai	5.500.000
		Ngã tư đi Ea Tam, buôn Kai	Hội trường thôn Tân Thành	2.100.000
		Hội trường thôn Tân Thành	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Luyên	1.250.000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Luyên	Cầu Ea Khanh	660.000
3	Đường đi xã Phú Lộc	Ngã ba Ea Tóh (Nhà ông Quỳnh)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Thao (Ngã 3)	2.050.000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Thao (Ngã 3)	Giáp ranh giới xã Phú Lộc	1.250.000
4	Đường đi xã Ea Tam	Ngã tư đi Ea Tam, buôn Kai	Ngã ba đường vào thôn Tân Quảng	2.070.000
		Ngã ba đường vào thôn Tân Quảng	Ngã ba đường vào thôn Tân Trung A	1.250.000
		Ngã ba đường vào hội trường thôn Tân Trung A	Giáp xã DLiê Ya	600.000
5	Đường đi buôn Kai	Ngã tư đi Ea Tam, buôn Kai	Ngã 3 nhà Châu Nga	2.160.000
		Ngã 3 nhà Châu Nga	Ngã ba dốc Miếu vào thôn Tân Thành	1.250.000
	Đường đi buôn Kai	Ngã ba dốc Miếu	Ngã ba Sinh Kè đi Ea Tân	640.000
		Ngã ba Sinh Kè đi Ea Tân	Cầu ông Ký	630.000
		Ngã ba đường trường TH Hà Huy Tập	Ngã 5 trường TH Ngô Quyền	500.000
		Ngã 5 trường TH Ngô Quyền	Hội trường thôn Tân An	300.000
		Hội trường thôn Tân An	Giáp xã Cư Né, Krông Búk	200.000
6	Đường liên thôn	Cặp dọc lô ông Dĩnh thôn Tân Hà	Ngã 3 nhà ông Mỹ thôn Tân Hà	370.000
		Ngã ba nhà ông Hiền (Thôn Tân Hợp)	Ngã 3 nhà ông Thao (Thôn Tân Hợp)	240.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Cổng chào thôn Tân Hà	Ngã tư nhà ông Hồ Văn Thái	610.000
		Ngã tư nhà ông Hồ Văn Thái	Ngã ba Hiền Cường	240.000
7	Trục 2 liên thôn	Ngã tư nhà ông Hồ Văn Thái	Ngã 3 đường vào trường THPT Nguyễn Huệ	300.000
8	Khu dân cư thôn Tân Quảng, thôn Tân Hà, thôn Tân Hợp, thôn Tân Thành			130.000
9	Khu vực còn lại			110.000
VI	Xã Ea Hồ			
1	Đường từ Buôn Hồ đi Krông Năng (Quốc lộ 29)	Ngã ba Giáp ranh với huyện Krông Búk	Hết ranh giới Trạm Y tế xã Ea Hồ	2.000.000
		Hết ranh giới Trạm Y tế xã Ea Hồ	Hết ranh giới nhà bà Vĩnh (Thửa 02, TBĐ số 83)	3.500.000
		Hết ranh giới nhà bà Vĩnh (Thửa 02, TBĐ số 83)	Hết ranh giới xã Ea Hồ đi Krông năng	2.500.000
2	Đường vào nghĩa địa xã Tân Lập	Ngã ba (Giáp ranh với huyện Krông Búk)	Giáp ranh Krông Búk	850.000
3	Đường đi xã Ea Tót	Ngã tư xã Ea Hồ	Đường vào nhà văn hóa Buôn hồ B	1.700.000
		Đường vào nhà văn hóa Buôn hồ B	Ngã ba buôn Giêr	1.300.000
		Ngã ba đi buôn Giêr	Hết ranh giới Ea Hồ (Giáp Ea Tót)	550.000
4	Đường đi xã Ea Drông	Ngã tư xã Ea Hồ	Ngã tư đi buôn ALê	1.300.000
		Ngã tư đi buôn ALê	Hết vườn nhà H Wiên Niê (Thửa 91, TBĐ số 49)	550.000
		Hết vườn nhà H Wiên Niê (Thửa 91, TBĐ số 49)	Giáp xã Ea Drông	350.000
5	Đường đi xã Phú Xuân	Ngã tư đi buôn ALê	Ngã tư sân bóng Buôn M'Ngoan	450.000
6	Đường vào rừng thủy tùng	Ngã ba buôn Giêr	Ngã ba giáp ranh xã Tân Lập	450.000
7	Khu vực còn lại			120.000
VII	Xã Phú Lộc			
		Giáp lô cao su 19 gần khu đất đồi thông	Nông trường Công ty Cao su (Ea Hồ - Phú	2.800.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
1	Tuyến đường chính thuộc khu vực Trung tâm xã	(Đường đi huyện)	Lộc)	
		Trạm điện (Biển áp số 1)	Trường Tiểu học Phú Lộc	2.500.000
		Ranh giới đất nhà ông Trần Minh Châu (thửa 231, TĐĐ số 61)	Hết Ngã ba Bệnh viện công ty cao su Krông Búk	1.500.000
		Ranh giới đất nhà ông Hồ Xuân Hải (Thửa 37, TĐĐ số 60)	Cổng chào thôn Lộc Tài	800.000
		Trạm điện (Biển áp số 1)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Đoàn Văn Minh (Thửa 122, TĐĐ số 61)	600.000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Đoàn Văn Minh (Thửa 122, TĐĐ số 61)	Cổng chào thôn Lộc Tiến	450.000
		Trạm điện (Biển áp số 1)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Lê Văn Vũ (Thửa 169, TĐĐ số 56)	450.000
		Ranh giới đất nhà ông Trần Minh Châu (Thửa 231, TĐĐ số 61)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Đoàn Văn Minh (Thửa 122, TĐĐ số 61)	650.000
		Ranh giới đất nhà ông Hồ Xuân Quang (Thửa 18, TĐĐ số 63)	Hết Ranh giới đất nhà ông Lê Văn Hoàng (Thửa 122, TĐĐ số 64)	800.000
		Cổng chào thôn Lộc Thịnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Sim (Giáp lô cao su 25)	400.000
		Đường sau trường mẫu giáo Phú Lộc		250.000
		Ngã 3 nhà ông Trần Minh Châu (Thửa 231, TĐĐ số 61)	Ranh giới đất nhà ông Hầu Cường (Thửa 16, TĐĐ số 64)	700.000
		Ranh giới đất nhà ông Hầu Cường (Thửa 16, TĐĐ số 64)	Hết đường liên thôn (Thôn Lộc Tiến)	600.000
		Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Khôi (Thửa 23, TĐĐ số 64)	Cổng chào thôn Lộc Dững	350.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Ranh giới đất nhà ông Phạm Ngọc Được (Thửa 37, TBĐ số 52)	Lô cao su 35 thôn Lộc Dũng	300.000
		Ngã tư nhà ông Phạm Ngọc Được (Thửa 37, TBĐ số 52)	Giáp thôn Tân Mỹ (Xã Ea Tóh)	300.000
		Ranh giới đất nhà ông Trần Trung (Thửa 202, TBĐ số 61)	Hết Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thanh (Thửa 147, TBĐ số 61)	560.000
		Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Duy Tôn (Thửa 184, TBĐ số 61)	Hết Ranh giới đất nhà bà Trần Thị Cúc (Thửa 386, TBĐ số 61)	560.000
		Đường từ cổng chính đến cổng phụ chợ xã (2 bên)		800.000
		Cổng chào thôn Lộc Tài	Giáp ranh xã Ea Tóh (Thôn Tân Lộc)	300.000
		Đường nội bộ điểm dân cư thôn Lộc Tân		560.000
		Từ ngã 3 nhà ông Phan Văn Toàn (Thửa 35, TBĐ số 52)	Hết ranh giới đất nhà ông Phùng Đức Vận (Thửa 46, TBĐ số 06)	260.000
2	Khu đấu giá thôn Lộc Tân	Đường ngang khu đấu giá A, B, C, D		1.400.000
3	Đường liên xã đi Ea Tóh, thị trấn Krông Năng	Ngã ba UBND Xã	Ngã tư nhà ông Phạm Ngọc Được (Thửa 37, TBĐ số 52)	1.200.000
		Ngã tư nhà ông Phạm Ngọc Được (Thửa 37, TBĐ số 52)	Hết lô đất nhà ông Trần Châu	900.000
		Hết lô đất nhà ông Trần Châu	Hết ranh giới xã Phú Lộc (Đường đi xã Ea Tóh)	600.000
		Đập Đông Hồ	Hết Ranh giới đất nhà bà Nguyễn Thị Xê (Thửa 137, TBĐ số 43)	3.000.000
		Hết Ranh giới đất nhà bà Nguyễn Thị Xê (Thửa 137, TBĐ số 43)	Hết Ranh giới đất nhà ông Võ Đình Tuấn (Thửa 9, TBĐ số 42)	1.800.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
4	Đường vành đai xung quanh đập Đông Hồ	Từ đường liên xã	Hết Ranh giới đất nhà bà Đoàn Thị Liên (Thửa 69, TĐĐ số 42)	2.500.000
		Hết Ranh giới đất nhà bà Đoàn Thị Liên (Thửa 69, TĐĐ số 42)	Hết Ranh giới đất nhà bà Lê Văn Phổ (Thửa 36, TĐĐ số 42)	1.500.000
5	Khu vực còn lại			130.000
VIII	Xã Ea Púk			
1	Đường trục chính	Ranh giới đất nhà Nhà ông Đinh Xuân Thanh (Thửa 1065, TĐĐ số 09), đi UBND xã	Trạm Y tế xã	700.000
		Trạm Y tế xã	Hết vườn nhà ông Đinh Ngọc Tài (Thửa 102, TĐĐ số 15)	280.000
		Cổng chào thôn Giang Thủy	Ranh giới đất nhà ông Hoàng Văn Phụng (Thửa 24, TĐĐ số 55), hết tuyến đường nhựa	180.000
2	Đường liên xã	Ngã ba (Đường vào thác)	Nhà ông Đinh Xuân Thanh (Thửa 1065, TĐĐ số 09) - Đi UBND xã	560.000
		Ngã ba (Đi xã Ea Tam)	Ranh giới đất nhà ông Hồ Đăng Hùng (Thửa 26, TĐĐ số 46)	530.000
		Ngã ba (Đi xã Tam Giang)	Ranh giới đất nhà ông Phan Luật (Thửa 23, TĐĐ số 47)	630.000
		Phần còn lại của đường liên xã đi Ea Tam, Tam Giang		460.000
3	Các trục đường chính còn lại thuộc Quy hoạch trung tâm xã			250.000
4	Khu vực còn lại			110.000
IX	Xã Diê Ya			
1	Đường trục chính	Ngã tư TT xã (Hiệu thuốc Lộc Hương - Thửa 174 TĐĐ 112)	Cổng chào Buôn Kmang	2.550.000
		Ngã tư TT xã (Hiệu thuốc Lộc Hương - Thửa 174 TĐĐ 112)	Ngã tư nhà Bà Thảo Nguyên (Thửa 133, TĐĐ số 112)	2.600.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Ngã tư TT xã (Hiệu thuốc Lộc Hương - Thửa 174 TBĐ 112)	Ngã ba Lợi Bích (Thửa 227, TBĐ số 112)	2.600.000
		Ngã tư TT xã (Hiệu thuốc Lộc Hương - Thửa 174 TBĐ 112)	Hội trường thôn Trung Hòa (Thửa 257, TBĐ số 112)	2.400.000
		Ngã ba xăng dầu Quý Điều (Thửa 45 TBĐ 112)	Cầu suối Mơ	1.850.000
		Cầu suối Mơ	Ngã ba Trường Ama Trang Long (Hết đất đại lý Giang Thanh - Thửa 91, TBĐ số 84)	1.250.000
		Ngã ba Trường Ama Trang Long	Ngã ba đội 2 (Thửa 7, TBĐ số 84)	300.000
		Cổng chào Buôn Kmang	Nhà văn hoá buôn Kmang (Thửa 8, TBĐ số 109)	1.100.000
		Nhà văn hoá buôn Kmang (Thửa 8, TBĐ số 109)	Ngã 3 vào Ea Blông (Thửa 148, TBĐ số 63)	300.000
		Ngã 3 vào Ea Blông (Thửa 148, TBĐ số 63)	Giáp xã Ea Tân	200.000
		Ngã ba Lợi Bích (Thửa 227, TBĐ số 112)	Tháp nước sạch (Thửa 46, TBĐ số 109)	900.000
		Ngã ba Lợi Bích (Thửa 227, TBĐ số 112)	Ngã ba gần cầu Ama Khun (Hết đất nhà H'Djuk Niê Kđăm) (Thửa 22, TBĐ số 116)	2.050.000
		Ngã ba gần cầu Ama Khun (Thửa 22, TBĐ số 116)	Cầu Ama Khun (Thửa 42, TBĐ số 116)	1.500.000
		Cầu Ama Khun (Thửa 42, TBĐ số 116)	Giáp xã Ea Tóh	300.000
		Ngã tư bà Thảo Nguyên (Thửa 133, TBĐ số 112)	Ngã tư, hết đất ông Y Duy (Thửa 115, TBĐ số 113)	1.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Ngã tư bà Thảo Nguyên (Thửa 133, TBĐ số 112)	Ngã tư nhà ông Nghĩa (Thửa 33, TBĐ số 112)	1.450.000
		Ngã tư nhà ông Nghĩa (Thửa 33, TBĐ số 112)	Hết đất ông Y Pút Niê (Thửa 49, TBĐ số 109)	140.000
		Ngã tư bà Thảo Nguyên (Thửa 133, TBĐ số 112)	Niệm phật đường	250.000
		Ngã tư, nhà ông Y Duy (Thửa 115, TBĐ số 113)	Ngã ba gần cầu Ama Khun	250.000
		Ngã tư nhà Thao Lục (Thửa 285, TBĐ số 112)	Ngã tư, nhà ông Y Duy (Thửa 115, TBĐ số 113)	500.000
2	Khu vực thôn Ea Krái	Ngã tư thôn Ea Krái	Hết nhà ông Phạm Hồng Nghĩa (Thửa 110, TBĐ số 101)	200.000
		Hết nhà ông Phạm Hồng Nghĩa (Thửa 110, TBĐ số 101)	Giáp xã Phú Lộc	150.000
		Ngã tư thôn Ea Krái	Hết nhà ông Lương Minh Sâm (Thửa 96, TBĐ số 98)	250.000
		Hết nhà ông Lương Minh Sâm (Thửa 96, TBĐ số 98)	Giáp xã Ea Tam	130.000
		Ngã tư thôn Ea Krái	Nhà ông Thê (Thửa 32, TBĐ số 100)	300.000
		Nhà ông Thê (Thửa 32, TBĐ số 100)	Giáp xã Ea Tóh	200.000
		Ngã tư thôn Ea Krái	Nhà ông Năm (Thửa 28, TBĐ số 98)	250.000
3	Khu vực thôn Ea Bi	Ngã 3 Ea Bi (Cổng chào)	Hết nhà ông Võ Văn Thượng (Thửa 29, TBĐ số 24)	600.000
		Ngã 3 Ea Bi (Cổng chào)	Ngã 3 vào buôn Tleh	200.000
		Ngã 3 vào buôn Tleh	Giáp xã Cư Klông	140.000
		Ngã 3 đường nhựa thôn Ea Bi	Giáp xã Ea Tân	140.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
4	Khu vực thôn Đồng Tâm	Nhà ông Nguyễn Hùng (Thửa 8, TĐĐ số 70)	Ngã tư nhà ông Trần Đăng Khoa (Thửa 2, TĐĐ số 70)	140.000
5	Khu vực Buôn Yóh - Bình An	Tháp nước sạch	Cổng chào thôn Bình An	140.000
6	Khu vực đất Hương Sang, thôn Trung Hoà	Ông Nguyễn Công Sửu (Thửa 52, TĐĐ số 110)	Ông Đào Bôn (Thửa 94, TĐĐ số 110)	140.000
7	Khu vực thôn Ea Sim	Ngã ba Trường Ama Trang Long (Đi vào Tân Hiệp)	Ngã ba Đội 4 thôn Ea Sim	140.000
8	Khu vực còn lại			100.000
X	Xã Ea Tam			
1	Đường trục chính	Ngã tư Tam thịnh Tam An (Thửa 85, TĐĐ số 82)	Hồ Ea Tam (Thửa 152, TĐĐ số 73)	950.000
		Ngã tư Tam thịnh Tam An (Thửa 51, TĐĐ số 82)	Giáp xã Ea Puk (Thửa 24, TĐĐ số 86)	500.000
		Ngã tư Tam thịnh Tam An (Thửa 48, TĐĐ số 82)	Ngã ba đường rẽ buôn Chít (Thửa 26, TĐĐ số 70)	700.000
		Cổng trường Hoàng Văn Thụ (Thửa 93, TĐĐ số 77)	Nhà ông La Khánh Sự (Thửa 375, TĐĐ số 72)	640.000
		Trường Tiểu học Tam Trung (Thửa 51, TĐĐ số 10)	Ngã ba nhà ông Hà Sỹ Tôn (Thửa 20, TĐĐ số 09)	400.000
		Ngã ba nhà ông Hà Sỹ Tôn (Thửa 20, TĐĐ số 09)	Cầu ngầm Ea Tam - Ea Tóh (42, TĐĐ số 03)	320.000
		Từ Trường Tiểu học Tam Trung (Thửa 67, TĐĐ số 10)	Ngã ba Tam Lực - Tam Liên (Thửa 126, TĐĐ số 12)	320.000
		Ngã ba Tam Lực - Tam Liên (Thửa 163, TĐĐ số 12)	Ngã ba nhà ông Phái đi xã Cư Klông+300m (Thửa 73, TĐĐ số 13)	240.000
		Nhà ông Thôn (Tam Lập) - Thửa 38, TĐĐ số 58)	Ngã ba nhà ông Phái (Tam Lập) - Thửa 72, TĐĐ số 22	240.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Ngã ba đường rẽ buôn Chít (Thửa 10, TĐĐ số 70)	Ngã ba nhà ông Lộc (Thửa 72, TĐĐ số 29)	320.000
		Ngã ba nhà ông Lộc (Thửa 102, TĐĐ số 29)	Ngã ba Tam Lực - Tam Liên (Thửa 06, TĐĐ số 21)	240.000
		Hồ Ea Tam (TĐĐ số 107, TĐĐ số 68)	Hết khu đất đầu giá Trung tâm xã (Thửa 89, TĐĐ số 69)	1.600.000
		Hết khu đất đầu giá Trung tâm xã (Thửa 240, TĐĐ số 69)	Ngã ba Tam Lập (Thửa 139, TĐĐ số 64)	640.000
		Ngã ba Tam Lập (Thửa 124, TĐĐ số 64)	Hết vườn nhà ông Nông Văn Đại (Tam Lập) - Thửa 42, TĐĐ số 58	320.000
2	Khu dân cư xung quanh Chợ (Tờ bản đồ số 68)			640.000
3	Khu vực còn lại			100.000
XI	Xã Ea Dăh			
1	Khu trung tâm xã	Hết ranh giới đất nhà ông Kiều Đức Nhã (Thửa 35, TĐĐ số 53)	Hết ranh giới nhà ông Hà Văn Thiệu (Thửa 83, TĐĐ số 11)	170.000
		Từ nhà ông Kiều Đức Nhã (Thửa 35, TĐĐ số 53)	Giáp chân đập Ea Tộc	250.000
		Ngã ba chợ trung tâm xã (UBND xã)	Giáp chân đập Ea Tộc	250.000
		Ngã tư Trung tâm xã (UBND xã)	Hết ranh giới nhà ông Phạm Văn Khánh thửa 14, TĐĐ số 49 (Đi Tam Giang)	280.000
		Trường mẫu giáo Hoa Cúc Trắng	Hết tuyến đường dự kiến khu đầu giá	170.000
		Cổng chào thôn Giang Châu	Giáp ranh giới trường trung học cơ sở Chu Văn An	140.000
2	Khu Minh Hà	Nhà ông Ngô Tường Sáng (Thửa 02, TĐĐ số 01)	Hết ranh giới đất nhà ông Lương Văn Hiệp (Thửa 06, TĐĐ số 54)	170.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Lương Văn Hiệp (Thửa 06, TĐĐ số 54)	Hết ranh giới đất nhà ông Đinh Tiến Sỹ (Thửa 16, TĐĐ số 58)	270.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới đất nhà ông Đinh Tiến Sỹ (Thửa 16, TĐĐ số 58)	Hết ranh giới nhà Đình Quang Hạ (Thửa 35, TĐĐ số 60)	370.000
		Hết ranh giới nhà Đình Quang Hạ (Thửa 35, TĐĐ số 60)	Hết ranh giới nhà ông Đình Huyền (Thửa 19, TĐĐ số 61)	270.000
		Hết ranh giới nhà ông Đình Huyền (Thửa 19, TĐĐ số 61)	Hết ranh giới nhà Phan Đình Lãm (Thửa 117, TĐĐ số 33)	320.000
		Hết ranh giới nhà Phan Đình Lãm (Thửa 117, TĐĐ số 33)	Giáp ranh giới Ea Kar	170.000
		Từ nhà ông Đình Quang Cử (Thửa 47, TĐĐ số 59)	Hết ranh giới nhà ông Quan Ngọc Lương (Thửa 365, TĐĐ số 16)	170.000
		Hết ranh giới nhà ông Quan Ngọc Lương (Thửa 365, TĐĐ số 16)	Sông Krông Năng	140.000
		Đường vào UBND xã (Hết đất nhà ông Dương Văn Đề thửa 35, TĐĐ số 59)	(Hết ranh giới nhà ông Đình Văn Sứy - Thửa 82, TĐĐ số 17)	170.000
3	Đường liên thôn Xuân Hà 3	Hết ranh giới đất nhà ông Lương Văn Hiệp (Thửa 06, TĐĐ số 54)	Hết ranh giới nhà ông Đình Sỹ Cử (Thửa 130, TĐĐ số 16)	140.000
4	Đường liên thôn Xuân Lạng 1	Cổng chào Xuân Lạng 1	Hết ranh giới nhà ông Nguyễn Văn Quý (Thửa 68, TĐĐ số 43)	140.000
5	Khu vực còn lại			100.000

Bảng số 7: Giá đất ở tại đô thịĐVT: Đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
1	Hùng Vương (Đi xã Phú Lộc)	Nguyễn Tất Thành (Ngã tư TT)	Ngô Quyền	13.500.000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	6.200.000
		Lê Thánh Tông	Cầu đập Đông Hồ	4.000.000
2	Hùng Vương (Tỉnh lộ 3)	Nguyễn Tất Thành (Ngã tư TT)	Tuệ Tĩnh	13.500.000
		Tuệ Tĩnh	Phan Bội Châu	6.200.000
		Phan Bội Châu	Trần Phú (Ngã ba)	4.200.000
3	Tỉnh lộ 3	Trần Phú (Ngã ba)	Cây xăng Thu Thời (Thửa 25, TBĐ số 94)	3.200.000
		Cây xăng Thu Thời (Thửa 25, TBĐ số 94)	Đường vào cổng chào TDP 7	2.100.000
		Đường vào TDP 7	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Bốn Minh (Thửa 33, TBĐ số 122)	1.900.000
4	Khu vực chợ xã Krông Năng cũ	Nhà ông Bốn Minh (Chợ)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Tới (Thửa 48, TBĐ số 123)	2.100.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Tới (Thửa 48, TBĐ số 123)	Cầu Phú Xuân (Hết ranh giới Thị Trấn)	1.400.000
5	Nguyễn Tất Thành (Đi xã Tam Giang)	Hùng Vương (Ngã tư TT)	Nguyễn Văn Trỗi	13.500.000
		Nguyễn Văn Trỗi	Cây xăng Hiếu An	8.500.000
		Cây xăng Hiếu An	Hết Khu dân cư (Hết vườn ông Y M Rền Niê - Thửa 215, TBĐ số 14)	3.500.000
		Hết Khu dân cư (Hết vườn ông Y M Rền Niê - Thửa 215, TBĐ số 14)	Cầu buôn Wiao	2.500.000
		Cầu buôn Wiao	Cầu Tam Giang (Giáp xã Tam Giang)	1.200.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
6	Nguyễn Tất Thành (Đi TX Buôn Hồ)	Hùng Vương (Ngã tư TT)	Lê Duẩn	13.500.000
		Lê Duẩn	Tôn Đức Thắng	10.500.000
		Tôn Đức Thắng	Ngã ba đường vào nghĩa trang Liệt sỹ huyện	8.000.000
		Ngã ba đường vào nghĩa trang Liệt sỹ huyện	Hết ranh giới thị trấn (Giáp xã Ea Hồ)	5.500.000
7	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	4.100.000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	2.750.000
		Lê Thánh Tông (Nhà ông Nghĩa Thống Kê)	Võ Thị Sáu	1.700.000
		Nguyễn Tất Thành	Tuệ Tĩnh	2.300.000
		Tuệ Tĩnh	Trần Phú	1.700.000
8	Võ Thị Sáu	Tôn Đức Thắng	Trần Hưng Đạo	1.000.000
9	Trần Phú	Tôn Đức Thắng	Hùng Vương (Đi Ea Kar)	1.400.000
10	Lê Thánh Tông	Hùng Vương	Tôn Đức Thắng	2.500.000
		Tôn Đức Thắng (Nhà ông Sinh)	Ngã ba đường đi ra hướng Nguyễn Tất Thành	1.250.000
		Ngã ba đường đi ra hướng Nguyễn Tất Thành	Giáp vườn nhà ông Lê Xuân Triều (Thửa 01, TBD số 58)	1.000.000
		Hùng Vương	Nguyễn Văn Trỗi	1.250.000
		Nguyễn Văn Trỗi	Hết đường	750.000
11	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Tất Thành	Trần Phú	4.050.000
		Trần Phú	Ngã ba hết thửa đất nhà ông Huỳnh Văn Sự (Thửa 330, TBD số 19)	1.250.000
		Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	3.600.000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	3.200.000
		Lê Thánh Tông	Phan Chu Trinh	2.100.000
		Phan Chu Trinh	Hết đường	1.400.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
12	Tuệ Tĩnh	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	2.550.000
		Trần Hưng Đạo	Tôn Đức Thắng	1.900.000
13	Đường xung quanh trường dân tộc nội trú	Hùng Vương	Hết thửa đất nhà ông Phan Hải Đường (Thửa 20, TĐĐ số 80)	650.000
14	Đường công viên Bàu Sen	Trần Cao Vân	Hết thửa đất Cao Văn Quang (Thửa 18, TĐĐ số 80)	650.000
		Hùng Vương	Giáp đường vào Buôn Wiao	1.000.000
15	Phan Bội Châu	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	2.550.000
		Trần Hưng Đạo	Tôn Đức Thắng	1.700.000
16	Huỳnh Thúc Kháng	Hùng Vương	Lê Duẩn	3.400.000
		Lê Duẩn	Tôn Đức Thắng	3.000.000
		Hùng Vương	Y Jút	3.500.000
17	Phan Đình Phùng	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	2.550.000
		Trần Hưng Đạo	Tôn Đức Thắng	1.700.000
		Tôn Đức Thắng	Nhà ông Phan Thanh Chương (Tổ dân phố 1) - Thửa 08, TĐĐ số 59	1.400.000
18	Ngô Quyền	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	2.550.000
		Trần Hưng Đạo	Tôn Đức Thắng	1.250.000
		Tôn Đức Thắng	Giáp đường Lê Thánh Tông nối dài	1.000.000
		Hùng Vương	Nguyễn Văn Trỗi	2.550.000
		Nguyễn Văn Trỗi	Hết thửa đất nhà ông Huỳnh Minh Lượng (Thửa 01, TĐĐ số 07)	1.250.000
19	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	2.100.000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	1.700.000
		Lê Thánh Tông	Ngã ba nhà bà Hồ Thị Hường (Thửa 20, TĐĐ số 07)	1.250.000
		Ngã ba nhà bà Hồ Thị Hường (Thửa 20, TĐĐ số 07)	Hết đường	850.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
20	Y Jút	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	4.000.000
21	Phía Bắc Chợ huyện	Đường phía đông chợ	Y Jút	3.500.000
	Phía Đông Chợ huyện	Nguyễn Tất Thành (Ngã ba nhà ông Phi Linh)	Ngô Quyền	4.000.000
22	Nơ Trang Long	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	3.400.000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	2.400.000
		Nguyễn Tất Thành	Tuệ Tĩnh	2.500.000
		Tuệ Tĩnh (Thửa số 12, TĐĐ số 79)	Phan Bội Châu (Thửa số 41, TĐĐ số 115)	2.300.000
23	Trần Cao Vân	Nguyễn Tất Thành	Ngã ba nhà ông Trần Xuân Mỹ (Thửa 33, TĐĐ số 81)	2.100.000
		Ngã ba nhà ông Trần Xuân Mỹ (Thửa 33, TĐĐ số 81)	Hết thửa ông Nguyễn Cao Cường (Thửa 31, TĐĐ số 81)	1.250.000
24	Lê Duẩn	Nguyễn Tất Thành	Phan Đình Phùng	2.550.000
		Nguyễn Tất Thành	Phan Bội Châu	3.200.000
		Phan Bội Châu	Trần Phú	1.250.000
25	Nguyễn Du	Hùng Vương	Nơ Trang Long	1.700.000
		Trần Hưng Đạo	Tôn Đức Thắng	1.000.000
26	Phan Chu Trinh	Hùng Vương (Nhà ông Hoàng Phương)	Tôn Đức Thắng (Nhà ông Quyền CTĐ)	2.100.000
		Hùng Vương (Nhà ông Tuấn)	Nguyễn Văn Trỗi	1.700.000
		Nguyễn Văn Trỗi	Hết đường	850.000
27	Phan Đăng Lưu	Hùng Vương (Nhà ông Thành thuế)	Trần Hưng Đạo	1.900.000
		Trần Hưng Đạo	Tôn Đức Thắng (Nhà ông Bằng TDP 1)	1.700.000
		Hùng Vương (Nhà ông Thu lái xe)	Nguyễn Văn Trỗi	1.700.000
		Nguyễn Văn Trỗi	Hết đường	850.000
28	Nguyễn Viết Xuân	Phan Đình Phùng	Nhà ông Đặng (Tổ dân phố 1) - Thửa 08, TĐĐ số 49	850.000
		Nguyễn Tất Thành	Nghĩa trang liệt sỹ	850.000
29	Các đường nội bộ thị trấn	Đường phía sau Ngân hàng Chính	Giáp thửa đất ông Đặng Văn Thanh	2.550.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		sách huyện	(Thửa 23, TBĐ số 71)	
		Hội trường tổ dân phố 2	Kho bạc huyện	2.550.000
		Nhà Huy Loan (Mẫu giáo) - Thửa 124, TBĐ số 71	Hết thửa đất nhà ông Nguyễn Đắc Phương (Thửa 112, TBĐ số 71)	2.400.000
		Nhà ông Phan Long Anh (Thửa 106, TBĐ số 71)	Hết tường rào văn hóa thông tin	2.200.000
		Nguyễn Tất Thành (Nhà ông Hoàng Vinh)	Tường rào Phan Bội Châu	2.100.000
		Nguyễn Tất Thành (Nhà ông Tuấn)	Giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	2.100.000
		Nguyễn Tất Thành (Hàng rào Trường Nguyễn Văn Trỗi)	Nhà bà Dương Thị Lân (Thửa 19, TBĐ số 77)	1.700.000
		Nguyễn Tất Thành (Nhà Hiền Hiền)	Tuệ Tĩnh	2.100.000
		Nguyễn Tất Thành (Ngã ba nhà ông Phi Linh)	Ngô Quyền	3.200.000
		Ngô Quyền (Đất bà Toàn thửa 13, TBĐ số 65)	Lê Thánh Tông (Đất Trường Quốc Khánh thửa 14, TBĐ số 55)	2.100.000
		Thửa đất nhà ông Phan Khắc Tuế (Thửa 46, TBĐ số 72)	Thửa đất nhà ông Huỳnh Ngọc Hải (Thửa 13, TBĐ số 80)	2.100.000
		Thửa đất nhà ông Bùi Hữu Cương (Thửa 09, TBĐ số 92)	Thửa đất nhà ông Lê Hồng Thái (Thửa 14, TBĐ số 100)	1.000.000
		Thửa đất nhà ông Bùi Hữu Cương (Thửa 09, TBĐ số 92)	Ngã tư đường đi Buôn Wiao B	1.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
30	Đường đi Đập Thanh Niên	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Đức Thuận (Thửa 28, TĐĐ số 18)	850.000
		Nhà ông Phạm Ngọc Tuấn (Thửa 16, TĐĐ số 18)	Giáp đường Nguyễn Viết Xuân	650.000
31	Đường vành đai xung quanh đập Đông Hồ	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	3.200.000
32	Khu dân cư thôn Bình Minh			300.000
33	Các tuyến đường khu dân cư tổ dân phố 7 đã được nhựa hoá			
	Tỉnh lộ 3 +40m	Ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Thông (Thửa 15, TĐĐ số 110)	Thửa đất hộ ông Đỗ Giáo (Thửa 12, TĐĐ số 115)	720.000
	Tỉnh lộ 3 +40m	Thửa đất ông Nguyễn Tý (Thửa 21, TĐĐ số 114)	Thửa đất hộ ông Phạm Ngọc Hoàng (Đường đi đập Đà Lạt - Thửa 03, TĐĐ số 116)	720.000
	Đoạn đường	Thửa đất nhà ông Đặng Văn Thành (Thửa 25, TĐĐ số 114)	Thửa đất ông Phạm Văn Cường (Thửa 286, TĐĐ số 27)	720.000
	Đoạn đường	Thửa đất ông Bùi Văn Ngọc (Thửa 30, TĐĐ số 115)	Hội trường tổ dân phố 7 (Thửa 05, TĐĐ số 121)	720.000
	Đoạn đường	Thửa đất ông Nguyễn Văn Ty (Thửa 106, TĐĐ số 116)	Thửa đất ông Nguyễn Văn Đông (Thửa 278, TĐĐ số 27)	720.000
34	Các tuyến đường khu dân cư tổ dân phố 8 đã được nhựa hoá			
	Đoạn đường	Thửa đất nhà ông Trần Sỹ (Thửa 22, TĐĐ số 32)	Thửa đất ông Nguyễn Văn Ruân (Thửa 03, TĐĐ số 127)	720.000
	Đoạn đường	Thửa đất nhà ông Đỗ Văn Tiến (Thửa 13, TĐĐ số 127)	Thửa đất ông Phạm Hữu Kiện (Thửa 489, TĐĐ số 34)	720.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
35	Các tuyến đường khu dân cư Buôn Weo A; Weo B; Buôn Ur đã được nhựa hoá			
	Buôn Wiao A	Thửa đất ông Y Bloi Niê K'Đăm (Thửa 01, TBĐ số 94)	Y Rít Mlô (Thửa 29, TBĐ số 82)	1.000.000
	Buôn Wiao A	Thửa đất ông Y Bloi Niê K'Đăm (Thửa 01, TBĐ số 94)	Hết thửa đất ông Y Khĩa Niê (Thửa 15, TBĐ số 91)	650.000
	Buôn Wiao B	Thửa đất ông Y Plêc M'Lô (Thửa 07, TBĐ số 105)	Hết thửa đất ông H Bon M'lô (Thửa 328, TBĐ số 19)	650.000
	Buôn Ur	Thửa đất ông Y Djuan Buôn Krông (Thửa 18, TBĐ số 101)	Hết thửa đất ông Y Mion M'Lô (Thửa 10, TBĐ số 96)	550.000
36	Các tuyến đường còn lại thuộc buôn Weo A, buôn Weo B, buôn Ur			400.000
37	Khu vực còn lại			300.000